

Bản án số: 117/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2019

V/v tranh chấp: “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Vô

Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/9/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1970 (Xin vắng mặt)

Thường trú: 770A/3 đường Đ, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 101 Lầu 1 Chung cư K, đường 332 H, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Thường trú: 770A/3 đường Đ, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 20/9/2018, Bản tự khai ngày 26/10/2018, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận số 12 của Ủy ban nhân dân xã Hội An Đông, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp, đăng ký ngày 10/8/1998. Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống

có một người con chung tên Nguyễn Thành T (nam), sinh ngày 14/02/1998.

Thời gian đầu sau khi sống chung, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Đến đầu năm 2010, giữa bà và ông Nguyễn Văn T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hai bên không thể tìm được tiếng nói chung. Bà đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T tại Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh vào cuối năm 2010 nhưng sau đó rút đơn để hàn gắn gia đình. Tuy nhiên, từ đó đến nay, mối quan hệ giữa hai vợ chồng vẫn không cải thiện, dù đã cố gắng hàn gắn.

Hiện nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích vợ chồng không đạt được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống có một người con chung tên Nguyễn Thành T (nam), sinh ngày 14/02/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Nguyễn Văn T không có tài sản chung và không có thiếu nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 468/2018/GB-TA ngày 24/9/2018; Giấy triệu tập ngày 24/9/2018 để ghi nhận ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn; Giấy triệu tập các ngày 05/11/2018, ngày 24/01/2019 về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng số 424/TB-TA các ngày 05/11/2018 và ngày 24/01/2019; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 424/TB-TA ngày 20/02/2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-DS ngày 25/02/2019 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2019 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Người con chung tên Nguyễn Thành T (nam), sinh ngày 14/02/1998 đã trưởng thành nên đề nghị Toà án không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 647/TAQ5 ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 5 thể hiện ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại 770A/3 đường Đ, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện không sinh sống tại địa phương, đã bán nhà bỏ đi, không xác định được thời gian đi và nơi ở mới. Như vậy, có căn cứ xác định địa chỉ số 770A/3 đường Đ, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú cuối cùng của ông T theo quy định tại điểm đ, khoản 4 Điều 189 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/7/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung và xác định đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề ngày 02/4/2019 đề nghị được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-DS ngày 25/02/2019 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2019 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận số 12 của Ủy ban nhân dân xã Hội An Đông, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp, đăng ký ngày 10/8/1998, nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3.2] Theo bà Nguyễn Thị Kim T, thời gian đầu sau khi sống chung, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Đến đầu năm 2010, giữa bà và ông Nguyễn Văn T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hai bên không thể tìm được tiếng nói chung. Bà đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T tại Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh vào cuối năm 2010 nhưng sau đó rút đơn để hàn gắn gia đình. Tuy nhiên, từ đó đến nay, mối quan hệ giữa hai vợ chồng vẫn không cải thiện, dù đã cố gắng hàn gắn.

[3.3] Ngày 08/01/2019, Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 06/2019/QĐ-CCTLCC gửi Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh thông tin về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn T. Ngày 22/01/2019, Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh có công văn phúc đáp số 51/UBND-TP với nội dung: Ông T và bà Trúc không còn chung sống cùng nhau và đã ly thân hơn 06 năm; ông T hiện không còn cư trú tại địa chỉ 770A/3 đường Đ, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy ban nhân dân chưa nhận được đơn tranh chấp hay mâu thuẫn gia đình giữa các đương sự.

[3.4] Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn T đã có thời gian ly thân 06 năm, từ đó đến nay, ông bà mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau, cũng không muốn níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo trình bày của bà Trúc tại bản khai ngày 26/10/2018 cho thấy khi bà nộp đơn ly hôn đã có thông báo cho ông T nhưng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa làm việc cho thấy ông T không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy cuộc hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho bà Nguyễn Thị Kim T, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, gắn bó với nhau, do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn T chung sống có một người con chung tên Nguyễn Thành T (nam), sinh ngày 14/02/1998 đã trưởng thành nên có quyền quyết định sống chung với cha hay mẹ là tùy ý. Tòa án không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim T xác định vợ chồng không có tài sản chung. Ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có ý kiến về vấn đề tài sản chung. Do vậy, Tòa không xem xét, giải quyết phần tài sản chung.

[6] Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Kim T cam kết vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, ông Nguyễn Văn T vắng mặt, không có ý kiến nên Tòa không xét.

[3.5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T chịu án phí giải quyết vụ án hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm đ, khoản 4 Điều 189; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/7/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 87/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

1.2. Về con chung: Người con chung tên Nguyễn Thành T (nam), sinh ngày 14/02/1998 đã trưởng thành nên có quyền quyết định sống chung với cha hay mẹ là tùy ý. Tòa án không xét.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

1.4. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Kim T cam kết vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AG/2014/0006610 ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân Quận 5;
- Chi cục THA DS Quận 5;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Bích